

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/TLST-DS

Ngày: 27/03/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Đông

2/ Bà Phan Thị Yến Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27/03/2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST – DS ngày 28/08/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Ch

Trú tại: Số nhà X, LTT, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H

Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, về việc “*Kiến tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” đề ngày 28/8/2017 và lời khai của các đương sự có tại hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy.

Nguyên đơn anh Lê Văn Ch trình bày:

Vào ngày 19/03/2014 anh Hoàng Văn H có đến nhà tôi cầm cố 01 xe máy biển kiểm soát 82XX-17924 với số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) trong vòng 20 ngày. Hai bên có làm hợp đồng cầm cố bằng văn bản, tôi và anh Hoàng Văn H cùng ký vào hợp đồng. Sau 20 ngày tôi có tìm anh Hoàng Văn H, hỏi có lấy xe không thì tôi đem xe đi sửa để bán, do anh H không lấy nên tôi đi sửa hết 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Đến ngày 19/4/2014 anh Mai Văn H, đến hỏi mua xe và tôi đã bán cho anh H với giá 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*), sau đó đến khoảng tháng 2/2017, anh Mai Văn H gọi điện báo cho tôi chiếc xe trên là tài sản trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ trong quá trình điều tra và trả lại xe cho người chủ sở hữu là chị Y D. Sau đó anh H đã kiện tôi lên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi và yêu cầu tôi trả lại số tiền 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Bản thân tôi đã thỏa thuận, phải bỏ tiền để trả cho anh Mai Văn H với số tiền là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Do tôi đã phải bỏ tiền trả cho anh H, nên tôi làm đơn khởi kiện lại đối với anh Hoàng Văn H, trong đơn khởi kiện tôi yêu cầu anh H phải trả cho tôi số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút đi một phần và chỉ yêu cầu anh Hoàng Văn H phải trả lại tiền đã cầm cố xe cho tôi là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) bằng đúng số tiền tôi đã trả lại cho anh H.

Bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82B1-17924, là do tôi mua của anh Trương Văn X, trú tại thôn Y, thị trấn P, huyện Ngọc Hồi với giá 13.600.000đ (*Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), đi được khoảng 5 tháng, tôi có bán lại cho anh Lê Văn Q, sau đó anh Q đi được khoảng 3 tháng thì anh Q mang xe đi cầm cố, anh Q có nhờ tôi dẫn đến tiệm cầm đồ HP (do anh Lê Văn Ch là chủ), anh Q cầm cố xe cho anh Ch và anh Ch đưa cho Q là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) chứ không phải đưa tiền cho tôi, do thấy Q lạ mặt nên Ch bảo tôi ký làm chứng vào hợp đồng cầm cố, còn số tiền tôi không được cầm, nên tôi không biết và chiếc xe khi cầm cố chỉ được 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), trong đơn anh Ch khởi kiện đòi tôi phải trả 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tôi không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lê Văn Ch đã thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, chỉ yêu cầu anh H phải trả cho anh Ch số tiền là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). các bên đương sự không thể thỏa thuận, hòa giải được với nhau và yêu

cầu Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án, đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật:

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự thì mâu thuẫn phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản lập ngày 19/3/2014 do vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Đòi nợ tiền cầm cố tài sản*” là không đúng mà xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

Căn cứ vào Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 127,128,137 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng cầm đồ, được ký kết giữa anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H là hợp đồng dân sự vô hiệu và chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của anh anh Chiêu buộc anh Hoàng Văn H phải trả cho anh Ch số tiền là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Về án phí dân sự, anh Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật, anh Lê Văn Ch không phải chịu tiền án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Lời phát biểu của đại diện viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn anh Lê Văn Ch cung cấp cũng như yêu cầu đối với bị đơn, Tòa án qua quá trình thụ lý xác định quan hệ pháp luật là: “*Đòi nợ tiền cầm cố tài sản*”. Tuy nhiên, qua các tài liệu do các đương sự nộp tại Tòa án và ý kiến của Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử cũng đã xác định lại quan hệ pháp luật đối với vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại Điều 326 Bộ luật dân sự và về thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là chính xác.

[2] Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi đã tiến hành đầy đủ các trình tự theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 19/3/2014 giữa anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H có giao dịch cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 17924 với giá tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), với thời gian cầm cố là 20 ngày, các bên có lập hợp đồng cầm đồ có chữ ký của anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H, sau khi cầm đồ anh H không đến lấy xe, thì anh Ch có sửa chữa và bán lại cho anh Mai Văn H với giá 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm đồng*), anh H đi làm giấy tờ thì bị Công an Thành phố Kon Tum, phát hiện chiếc xe trên là tài sản trộm cắp nên đã khởi tố vụ án hình sự số 57, ngày 14/3/2017, tuy nhiên chưa xác định được đối tượng trộm cắp nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành Phố Kon Tum đã ra quyết định số 26 ngày 14/7 2017 tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự và tiến hành trả lại chiếc xe 82B1- 17924 cho người chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe trên là chị Y D; trú tại thôn PleiTơHai 1, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum.

Sau đó vào ngày 10/08/2017 anh Mai Văn H, đã làm đơn khởi kiện đề yêu cầu anh Ch phải trả lại tiền cho anh H với số tiền là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đồng thời anh Ch cũng làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn H phải trả lại cho anh Ch số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) do anh H đem tài sản cầm cố cho anh Ch, là tài sản có nguồn gốc trong vụ án trộm cắp tài sản đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Kon Tum xác định. Xét giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do anh Ch cung cấp cho Tòa án là hợp pháp. Tuy nhiên, xét về hợp đồng cầm cố tài sản, thể hiện sự giao dịch giữa anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, tuy nhiên khi cầm cố giữa anh Ch và anh H lập hợp đồng nhưng giao dịch không đúng quy định của pháp luật, anh Ch cầm cố tài sản không đúng tên chủ sở hữu, hơn nữa nguồn gốc chiếc xe được xác định là tang vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản. Do đó, việc giao dịch giữa anh Hoàng Văn H và anh Lê Văn Ch là không hợp pháp, trái với quy định tại khoản 1 Điều 320 Bộ luật dân sự quy định “Vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm và được phép giao dịch”. Theo thông tư số 33/2010/BCA ngày 05/10/2010 của Bộ công an quy định cụ thể điều kiện về an ninh trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tại điểm i khoản 2 Điều 6 Thông tư trên quy định.

- *Khi thực hiện dịch vụ cầm đồ chủ cơ sở kinh doanh phải lập hợp đồng theo quy định. Người đến cầm đồ, thế chấp phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng để chủ cơ sở kiểm tra...*

- *Đối với những hàng hóa, tài sản cầm đồ thuộc sở hữu của người thứ ba phải có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu.*

Không được nhận cầm đồ đối với hàng hóa, tài sản không rõ nguồn gốc hoặc tài sản do các hành vi vi phạm pháp luật mà có

Do vậy, việc giao dịch giữa anh Ch và anh H ngay từ ban đầu là giao dịch hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã phân tích, hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa Hội đồng xét xử phân tích, hòa giải để các bên thấy rõ việc cầm cố tài sản giữa các bên theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn anh Lê Văn Ch thừa nhận việc anh H cầm xe không phải tên của anh H mà anh Ch vẫn cầm cố, và không xác minh kỹ về nguồn gốc chiếc xe là chưa đúng quy định của pháp luật, nhưng việc giao dịch giữa anh Ch và anh H là có thật thể hiện rõ việc anh H ký vào hợp đồng cầm cố và anh Ch đã đưa tiền cho anh H nên anh Ch yêu cầu anh H phải trả lại cho anh Ch số tiền yêu cầu tại phiên tòa hôm nay là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Đối với anh Hoàng Văn H thừa nhận có ký vào hợp đồng cầm đồ, nhưng anh H không được nhận tiền mà anh Ch đưa tiền cho anh Lê Văn Q, là bạn của anh H, anh H không đồng ý trả cho anh Ch số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Anh H yêu cầu Hội đồng xét xử phải triệu tập anh Q về để điều tra, xác minh làm rõ, tuy nhiên anh Q là người lao động tự do, không có địa chỉ ổn định, Tòa án huyện Ngọc Hồi đã áp dụng các biện pháp để triệu tập anh Q nhưng không có kết quả, Tại phiên tòa hôm nay, Một lần nữa Hội đồng xét xử để cho anh H cung cấp rõ ràng nơi ở của anh Q, nhưng anh H không cung cấp được. Tại phiên tòa anh Ch cũng chỉ khẳng định là anh ký hợp đồng cầm cố với anh H và anh là người giao tiền cho anh H chứ anh không biết anh Q, anh Ch chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh H phải trả lại tiền cho anh Ch, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Lê Văn Ch phù hợp với chứng cứ là hợp đồng cầm đồ (Bút lục số 06) do anh Ch cung cấp cho Tòa án. Trong hợp đồng cầm cố chỉ có một mình anh H đứng tên ký nhận do vậy, anh H phải chịu trách nhiệm là có cơ sở, việc anh H cho rằng anh chỉ ký và đưa tiền cho anh Q chứ anh không được nhận tiền. Do anh Ch không đồng ý và thấy rằng, yêu cầu của anh H là phải triệu tập anh Q về để làm rõ là không cần thiết. Nếu sau này có cơ sở thì anh H có quyền khởi kiện đối với anh Q trong một vụ án khác, vì trong hợp đồng cầm cố là do anh H đứng tên nên anh H phải có trách nhiệm trả cho anh Ch số tiền đã cầm cố tài sản là có cơ sở. Trong đơn khởi kiện anh Ch, yêu cầu anh H trả là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tuy nhiên, trong hợp đồng cầm cố chỉ có số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và tại phiên tòa qua phân tích của Hội đồng xét xử, anh Ch công nhận có một phần lỗi nên anh Ch xin rút lại một phần số tiền là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) so với đơn khởi kiện ban đầu, chỉ yêu cầu anh H phải trả lại cho anh Ch 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) thấy rằng yêu cầu

này của anh Ch là có cơ sở, hoàn toàn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*); Anh Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 122; 127; 128; Điều 136; Điều 137; Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xử: chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh Lê Văn Ch đề ngày 28/8/2017

Tuyên bố: Giao dịch cầm cố tài sản giữa anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Hủy Hợp đồng cầm đồ ngày 19/3/2014 giữa anh Lê Văn Ch và anh Hoàng Văn H.

Buộc anh Hoàng Văn H phải trả lại cho anh Lê Văn Ch số tiền đã bỏ ra cầm cố tài sản là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

□p dụng: Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và đến thời điểm phải thanh toán và bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 144; 147, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009*).

Anh Hoàng Văn H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Lê Văn Ch 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Ch đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001810 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng: Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (27/03/2017).

Nơi nhận:

VKSND huyện Ngọc Hồi;

Các đương sự;

TAND tỉnh Kon Tum;

TAND cấp cao tại Đà Nẵng;

Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

VŨ VĂN THUẤN